| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ NGÃ NĂM**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số**:** 73/2023/DS-ST.
Ngày: 05-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Trúc Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Thỏ

Bà Danh Kim Tuyến

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 30 tháng 6 và 05 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2023/TLST–DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng mua bán. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984 (có mặt) và bà Phạm Thị D, sinh năm 1999 (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Bùi Văn H (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông U trình bày:*

Ông Huỳnh Văn N có lập hợp đồng mua bán lúa với vợ chồng ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị X nhiều lần với tổng số lượng lúa là 4.000 tấn lúa tươi, việc thỏa thuận có lập Hợp đồng do hai bên thống nhất ký tên vào và đồng thời ông Bùi Văn H, bà Nguyễn Thị X có nhận của ông N với tổng số tiền đặt cọc là 1.600.000.000 đồng *(Một tỷ, sáu trăm triệu đồng)*.

Tuy nhiên sau đó ông Bùi Văn H lại không giao lúa đúng hẹn nên vào ngày 05/02/2023 thì ông Bùi Văn H có làm cho "Tờ Cam Kết" và có hứa là sẽ trả cho ông N 300.000.000 đồng và trong vòng bảy ngày kể từ ngày lập tờ cam kết này thì ông H sẽ giao 2.000 tấn lúa, giao mỗi ngày và hoàn tất trước ngày 15/02/2023, còn lại số tiền là 1.300.000.000 đồng *(Một tỷ, ba trăm triệu đồng*) sẽ trừ dần từng ghe cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Tờ cam kết được lập thành văn bản đề ngày 05/02/2023 và ông H có ký tên vào tờ cam kết. Đồng thời, có xác nhận của Trưởng ban N1 là ông Cao Văn T và được Ủy ban nhân dân xã M xác nhận.

Tuy nhiên, ông H không thực hiện việc trả 300.000.000 đồng như cam kết mà đến ngày 12/02/2023 thì ông H có trả cho ông N được 253.233.000 đồng, còn nợ lại số tiền đặt cọc là 1.346.767.000 đồng *(Một tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*

Ngoài ra, vào 12/2022 ông N còn bán vật tư nông nghiệp cho ông H, ông H mua nhiều lần, việc mua bán ông N không có lập hợp đồng, nhưng mỗi lần ông H đến mua thì ông N có ghi lại và cộng lại tiền trong sổ mua bán của ông N, ngày 07/12/2022 ông N có chốt lại tổng cộng ông H còn nợ số tiền mua vật tư nông nghiệp là: 74.700.000 đồng *(Bảy mươi bốn triệu, bảy trăm ngàn đồng).*

Tại phiên tòa, nguyên đơn và ngươi đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị X trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền 74.700.000 đồng.

Đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm liên đới trả số tiền cọc là: 1.346.767.000 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 07/03/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ( ngày 30/6/2023) là 03 tháng 23 ngày với lãi suất 0,83%/tháng là 42.104.426 đồng.

*2/ Đối với bị đơn ông Bùi Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X*: từ khi Tòa án thụ lý đến nay dù đã được thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vẫn vắng mặt không tham gia việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa hôm nay nên không có ý kiến trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền đặt cọc mua lúa và tiền mua bán lúa, đồng thời bị đơn có địa chỉ xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng mua bán" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu trả tiền mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền 74.700.000 đồng.

Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N yêu cầu bị đơn Bùi Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền cọc lúa còn nợ là 1.346.767.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các hợp đồng đặt cọc mua bán lúa tươi - khô và "Tờ cam kết" có xác nhận của Trưởng ban N1 và được Ủy ban nhân dân xã M xác nhận.

Mặc khác, Tòa án cũng đã thông báo cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến trả lời, cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án, đồng thời bà X là vợ ông H có ký tên vào Hợp đồng mua bán lúa tươi - khô nên Hội

đồng xét xử khẳng định hiện nay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ nguyên đơn số tiền 1.346.767.000 đồng.

Từ khi làm " Tờ cam kết" đến nay thì ông H và bà X chưa trả nợ cũng như giao lúa cho ông N nên đã vi phạm thỏa thuận nêu trong " Tờ cam kết". Nên nguyên đơn ông Huỳnh Văn N khởi kiện yêu cầu ông H, bà X hoàn trả số tiền trên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 07/03/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ( ngày 30/6/2023) là 03 tháng 23 ngày với lãi suất 0,83%/tháng là 42.104.426 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận và buộc ông H, bà X trả cho ông N số tiền cọc lúa là 1.346.767.000 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 07/03/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ( ngày 30/6/2023) là 03 tháng 23 ngày với lãi suất 0,83%/tháng là 42.104.426 đồng. Tổng cộng là 1.388.871.426 đồng (một tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi mốt ngàn, bốn trăm hai mươi sáu đồng)

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí là 53.666.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2, Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 328; 430, 437; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 74.700.000 đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N

Buộc ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị X cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn N số tiền 1.346.767.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 42.104.426 đồng. Tổng cộng là 1.388.871.426 đồng (một tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi mốt ngàn, bốn trăm hai mươi sáu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Huỳnh Văn N thì hàng tháng ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị X còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

3/ Về án phí sơ thẩm:

Ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí là 53.666.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.650.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006504 do Chi cục thi hành án dân sự thị xã N thu ngày 07/4/2023.

4/ Q kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.*

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trúc Phương**